

TRÊN ĐƯỜNG EMMAU
Một thoáng nhìn về việc đồng hành thiêng liêng
Lm. Giuse Phạm Quốc Văn, OP

Phần II
CÁC MỐI TƯƠNG QUAN
TRONG VIỆC ĐỒNG HÀNH THIÊN LIÊNG

Chương I
TƯƠNG QUAN
GIỮA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỒNG HÀNH
VÀ THIÊN CHÚA

I. Thiên Chúa đi bước trước

1. Sự khôn ngoan của Thiên Chúa

1.1. Sự khôn ngoan theo Cựu ước

1.2. Khôn ngoan theo Tân ước

2. Lời mời gọi tự do

2.1. Thiên Chúa mặc khải

2.2. Con người đáp trả

II. Con người cảm nghiệm về Thiên Chúa

1. Tinh thần nghĩa tử

2. Gặp gỡ Thiên Chúa qua cầu nguyện

III. Tương quan ngôi vị

1. Tinh thần nghĩa tử

2. Khám phá ra Thiên Chúa và kế hoạch của Người trên cuộc đời mình

Trong việc đồng hành thiêng liêng, việc thiết lập các mối tương quan giữ một vai trò quan trọng. Rất nhiều khi mối tương quan này bị hiểu lầm hoặc không thiết lập một cách đúng đắn, việc đồng hành thiêng liêng không đem lại kết quả nào, mà ngược lại còn gây nên những thiệt hại đáng tiếc. Ở đây, chúng ta nhìn về các mối tương quan dưới hai khía cạnh căn bản: tương quan giữa người được đồng hành và Thiên Chúa, tương quan giữa người đồng hành và người được đồng hành. Bên cạnh đó, chúng ta cũng không quên nêu ra ở đây những khó khăn trong mối tương quan người ta hay mắc phải.

Chúng ta tìm hiểu khía cạnh tương quan đầu tiên: **TƯƠNG QUAN GIỮA NGƯỜI ĐƯỢC ĐỒNG HÀNH VÀ THIÊN CHÚA**

I. Thiên Chúa đi bước trước

Trong chương trình cứu độ và sự quan phòng của mình, Thiên Chúa luôn đi bước trước, đó chính là sự khôn ngoan của Người. Sự khôn ngoan tỏ bày cho con người thấy kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa và mời gọi con người đáp trả. Việc tỏ bày và lời đáp trả như hai thành phần không thể thiếu để làm nên mỗi Giao ước tương quan giữa Thiên Chúa và con người. Thiên Chúa luôn bày tỏ kế hoạch yêu thương của Người, nhưng con người không phải lúc nào cũng có thể mau mắn đáp lời xin vâng; do đó mỗi tương quan trở nên rất mong manh và có nguy cơ bị cắt đứt. Tuy vậy, chúng ta không nhân mạnh ở đây về sự bất trắc từ phía con người, nhưng đề cao sự khôn ngoan của Thiên Chúa.

1. Sự khôn ngoan của Thiên Chúa

1.1. Sự khôn ngoan theo Cựu ước

Trong Cựu ước, khái niệm về sự khôn ngoan trải qua nhiều bước tiến triển theo các thời đại. Từ lâu đời, người ta đã biết đến thuật ngữ hakmah mà sau này tiếng Hy Lạp dịch ra là sophia – sự khôn ngoan. [1] Toàn bộ truyền thống minh triết của Israel cố gắng hoà hợp Thiên Chúa và sự khôn ngoan, niềm tin và lý trí. Như người ta nhận thấy, mấu chốt của vấn đề là một kinh nghiệm tôn giáo sâu sắc.

Thoạt đầu, sự khôn ngoan được hiểu theo nghĩa thực tiễn. Người khôn ngoan là những người thông thạo những vấn đề trong cuộc sống. Sự khôn ngoan được biểu lộ qua các thao tác linh hoạt, qua sự phán đoán đúng đắn, qua cung cách hành xử hằng ngày... Ngay cả việc tranh chấp giữa ông Abraham với ông Lót cũng được coi là khôn ngoan; [2] ông Giuse được coi là người khôn ngoan khi giải thích các điềm báo trong giấc mộng; [3] vua Salômôn được coi là vị vua khôn ngoan khi vua không xin gì với Đức Chúa, ngoài việc xin cho mình “một tâm hồn biết lắng nghe để cai trị dân Chúa và phân biệt phải trái”... [4]

Qua dòng thời gian, với những suy tư sâu sắc hơn, khái niệm về khôn ngoan đã được hiểu vượt xa những khả năng thực tiễn của con người. Đặc biệt qua cuộc

gặp gỡ giữa văn hoá Do Thái giáo và Hy Lạp, sự khôn ngoan được đề cao và được coi như là sự hoàn thiện hàng hữu, là kho báu cho con người, đến nỗi người ta có thể đánh đổi tất cả để có được sự khôn ngoan; chiếm được đức khôn ngoan là trở nên bạn hữu với Thiên Chúa. [5]

Một bước nhảy vọt trong sự tiến triển này là đức khôn ngoan được nhân cách hoá như là một ngôi vị, vừa là kiệt tác, vừa là cộng sự viên của Thiên Chúa. [6] Đức khôn ngoan mở lối cho con người hiểu biết những kỳ công của Thiên Chúa, đức khôn ngoan là thầy dạy cách sống [7] và kính sợ Thiên Chúa là đầu mối sự khôn ngoan. Người Do Thái sớm chấp nhận mặc khải minh nhiên về sự khôn ngoan của Thiên Chúa, đồng hoá sự khôn ngoan với chính mặc khải. Khôn ngoan là sự hiện thân ưu việt trong sách Torah. [8]

Trong Cựu ước, một số đặc tính của khôn ngoan đã được mặc khải: [9]

- Trước hết, khôn ngoan thuộc về mầu nhiệm của chính Thiên Chúa. Người là tác giả của khôn ngoan. Mặc dù có thể tìm thấy dấu vết của sự khôn ngoan trong các nền văn hoá và các tôn giáo khác, nhưng tất cả đều xuất phát từ Thiên Chúa.

- Đặc tính thứ hai: Thiên Chúa cho nhân loại tham dự vào sự khôn ngoan của Người, để con người biết phân định thánh ý Thiên Chúa. Các hiền nhân đã hiểu rằng sự khôn ngoan của con người có nguồn gốc từ Thiên Chúa, đó chính là quà tặng con người cần đón nhận, là lời cần lắng nghe trong thái độ tinh lặng, sẵn sàng, và vâng phục.

- Chúng ta đón nhận sự khôn ngoan đến từ Thiên Chúa, từ sự hiện hữu sâu thẳm nhất: “Từ thế hệ này qua thế hệ khác, đức khôn ngoan ngự vào những tâm hồn thánh thiện, biến họ nên bạn hữu của Thiên Chúa, nên ngôn sứ của Người”. [10]

- Và điểm cuối cùng, Thiên Chúa chỉ ban đức khôn ngoan cho những ai đáp trả lại sáng kiến của Người. Và “Người chỉ yêu chuộng những ai chung sống với đức khôn ngoan”. [11]

Tóm lại, để hướng dẫn con người, Thiên Chúa đã ban đức khôn ngoan đồng hành với con người; nhờ đó, con người có thể đáp trả lời mời gọi yêu thương của Thiên Chúa. Khôn ngoan là bạn hữu, là ân huệ nhưng không Thiên Chúa trao tặng cho những ai trung tín đáp lại tình thương của Người.

1.2. Khôn ngoan theo Tân ước

Trong Tân ước, sự tiến triển về đức khôn ngoan đạt đến đỉnh cao và có thể gọi tên là chính Ngôi Lời, sự khôn ngoan của Thiên Chúa Cha. Các tác giả Nhất lãm hình dung Đức Giêsu như chính sự khôn ngoan của Thiên Chúa. [12] Đặc biệt nơi thánh Phaolô, chúng ta bắt gặp những giáo huấn tuyệt vời về đức khôn ngoan. Sự khôn ngoan của Thiên Chúa đối lập hẳn với sự khôn ngoan của loài người. [13] Thánh nhân áp dụng sự khôn ngoan trực tiếp cho từng Ngôi Vị Thiên Chúa, đặc biệt

là sự khôn ngoan của thập giá, sự khôn ngoan Chúa Cha thể hiện nơi Đức Giêsu Kitô. [14]

Đức Giêsu đồng hành với con người qua chính cuộc sống và giáo huấn của Người. Ai nghe và tuân giữ Lời Người chẳng khác nào kẻ khôn ngoan xây nhà mình trên đá. [15] Khôn ngoan không đến từ tài khéo của con người, nhưng là ân huệ Thiên Chúa ban nhưng không, đặc biệt cho những kẻ bé mọn. [16] Nhờ ơn khôn ngoan, con người biết thẩm định sự thật và sự sai lầm, [17] biết thận trọng trong mọi sự và lo chu toàn phận vụ của mình. [18]

Như vậy, con người không thể tự xoay xở trên con đường hoàn thiện mà không cần đến sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Trong đời sống tâm linh, mỗi người phải có được mối tương quan mật thiết với Thiên Chúa, phải để cho sự khôn ngoan của Người hướng dẫn. Rất nhiều khi sự khôn ngoan đó hoàn toàn đối nghịch với sự khôn ngoan của con người, và sự điên dại của con người lại là sự khôn ngoan đích thực. [19] Chỉ có sự khôn ngoan đích thực mới có thể đồng hành với con người trên nẻo đường thiêng liêng.

2. Lời mời gọi tự do

2.1. Thiên Chúa mặc khải

“Thiên Chúa nhân lành và khôn ngoan đã muốn mặc khải chính mình và tỏ cho con người biết mầu nhiệm thánh ý Người. Nhờ đó loài người có thể đến cùng Chúa Cha, nhờ Chúa Kitô, Ngôi Lời nhập thể, trong Chúa Thánh Thần, và được thông phần bản tính của Thiên Chúa”. [20]

Con người đón nhận mặc khải của Thiên Chúa bằng hành vi đức tin; hơn nữa, đức tin và kinh nghiệm tác động lẫn nhau; đó chính là điểm khiến chúng ta nhận ra tính chất mới lạ và sâu sắc trong cuộc thăng trầm của tinh thần mình triết Do Thái, và cũng là kinh nghiệm tâm linh của mỗi người. Các hiền nhân đức kết suy tư của họ về cuộc đời, hay về hành trình đức tin bằng việc mở lòng ra cho mặc khải. Khi khởi đi từ kinh nghiệm, họ đã đụng phải những địa hạt mầu nhiệm mà chỉ Thiên Chúa mới có thể soi sáng. Khi lắng nghe thực tại trần thế, họ đã hiểu được thực tại ấy trong tính năng động của nó, rằng tính năng động ấy có nguồn gốc từ Thiên Chúa và đã phản ánh sự khôn ngoan. Họ đụng phải mầu nhiệm và đã quy phục mầu nhiệm. [21]

Theo lộ trình lý trí và kinh nghiệm, con người nhận ra một thái độ phù hợp cho nẻo đường tâm linh của mình là việc cởi mở con tim và khối óc để đón nhận mặc khải. Đây không hẳn là sự hiểu biết, mà còn là sự nghiêm túc của luân lý nhập cuộc. Người có thái độ khôn ngoan đích thực biết rằng giới hạn của mình dừng lại trong sự thinh lặng trước Thiên Chúa và mầu nhiệm sự sống. Đồng thời, người có thái độ khôn ngoan cũng biết sự thinh lặng không tách khỏi một cuộc tìm kiếm lạnh mạnh. Linh đạo của các hiền nhân đương nhiên nhìn nhận ý tưởng Thiên Chúa không chỉ tỏ hiện trong thế giới mà Người còn tỏ hiện qua những công trình kỳ diệu

trong lịch sử cứu độ. Sự khôn ngoan của Thiên Chúa không chỉ được tỏ lộ qua mặc khải, mà còn tỏ lộ trong công trình sáng tạo nữa. Linh đạo của các hiền nhân nhận biết có một sự căng thẳng nội tại: thế giới vẫn hoàn toàn thuộc quyền Thiên Chúa, song linh đạo ấy tin chắc rằng sự lệ thuộc này không cản trở việc tìm kiếm trật tự thế giới do Thiên Chúa sắp đặt; sự hiểu biết và kinh nghiệm là ánh sáng của Thiên Chúa. Chính ánh sáng này soi chiếu vào nơi sâu thẳm mỗi tâm hồn con người, từ đó họ nhận ra con đường Thiên Chúa dành cho mình, và can đảm cất bước đăng trình. Đó chính là mối tương quan khăng khít, là thái độ đáp trả tích cực.

2.2. Con người đáp trả

Khởi đầu đời sống tâm linh là con người phải nhận ra và đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa. Người ta không thể tiến bước nếu không cảm thấy sự thôi thúc ngay từ đáy lòng mình. Chính sự thôi thúc này là động lực giúp con người không ngừng khao khát, tìm kiếm và khám phá.

Con người tìm kiếm Chúa qua công trình sáng tạo của Người, [22] qua các hoạt động của Người trong dòng lịch sử, [23] qua tiếng nói của Người trong tâm hồn mình, qua Lời của Người trong Kinh thánh, và qua các biến cố trong cuộc sống... Đặc biệt, trên hành trình tâm linh, sự gặp gỡ trong cô tịch như yếu tố tiên quyết nói lên sự đáp trả của con người. Chính sự gặp gỡ yêu thương này với Thiên Chúa mà con người hiểu biết được sự thật về Thiên Chúa và sự thật về chính mình. [24] Từ đó, con người được đánh động và có được những kinh nghiệm sâu sắc về tình yêu Thiên Chúa, nhận thức rõ rệt về sự bội tín và tội lụy của mình. Và trong sự nghèo nàn nội tâm, con người tỏ lộ sự khao khát chân lý; một tâm hồn chân thành khao khát sự thật sẽ giúp cho việc đồng hành thiêng liêng dễ dàng hiển lộ. Điều còn lại là con người kiên nhẫn đợi chờ, Thiên Chúa không hề muốn thử thách hay chậm trễ với con người, nhưng con người cần phải có thời gian thanh luyện mới có thể đón nhận được thánh ý Thiên Chúa.

II. Con người cảm nghiệm về Thiên Chúa

Thiên Chúa mặc khải - con người đáp trả, và kết quả là cảm nghiệm của con người về Thiên Chúa. Ở đây chúng tôi không đề cập đến những kinh nghiệm thần bí cho bằng kinh nghiệm từ bài học trong lịch sử cứu độ và đó cũng là bài học trong chính lịch sử riêng của mỗi người; đó cũng là con đường gặp gỡ Thiên Chúa qua cầu nguyện và qua từng biến cố trong cuộc sống.

1. Kinh nghiệm về Thiên Chúa

Theo cha B. Maggioni, [25] Israel đã cảm nghiệm Thiên Chúa hiện diện và tác động trong lịch sử; song cũng có kinh nghiệm bi đát về tình trạng Thiên Chúa vắng bóng. Có thể nói Israel đã đụng chạm đến “màu nhiệm Thiên Chúa”. Kinh nghiệm về đời sống tâm linh của Israel không diễn ra theo kiểu cố gắng xoay sở để kéo Thiên Chúa ra khỏi màu nhiệm. Trái lại, Israel tin rằng vấn đề là phải cố

gắng chống lại cám dỗ giải nghi mầu nhiệm. “Thiên Chúa ẩn mình, cũng chẳng khác nào Người tự tỏ lộ”. Bên cạnh những tuyên tín của Israel qua các thời kỳ và dưới nhiều hình thức, [26] còn có một vấn nạn đáng sợ: “Thiên Chúa ở đâu? Thiên Chúa đã làm gì?”... Thiên Chúa hành động thật kỳ lạ: Người giải phóng Israel mà ra như Người lại ruồng bỏ họ. [27] Trong sách Thủ Lãnh 6,13, người ta thấy thật ngạc nhiên, ấy là tác giả vừa gọi lại điềm căn bản của niềm tin đây, lại lập tức đặt thành vấn nạn ngay.

Sự vắng mặt của Thiên Chúa không hoàn toàn được lý giải như thể là hệ quả của việc dân phạm tội hay là Thiên Chúa trừng phạt dân, song được lý giải là đường lối sự phạm của Thiên Chúa. Đó là “sự thử thách”, là con đường mà Israel phải theo để gặp được Thiên Chúa đích thực. Các ngôn sứ và các tác giả Thánh vịnh nhắc lại rằng Thiên Chúa ẩn mình để cho “con người khám phá”. Nhưng, giải thích là một chuyện, những lúc Thiên Chúa ra như vắng mặt, Israel cảm thấy bị cám dỗ đi tìm các thần khác hay những nơi nương tựa khác: tìm kiếm một Thiên Chúa khả thi hơn và ít đáng sợ hơn. Mầu nhiệm này không phải là mầu nhiệm của Thiên Chúa như Người là, song là mầu nhiệm của Thiên Chúa trong lịch sử, mầu nhiệm của hành động cứu độ của Người. Ở mức độ này, người ta thấy có sự căng thẳng, sự mâu thuẫn biện chứng. Thiên Chúa là Đấng siêu việt, ấy thế mà Người lại liên lụy vào lịch sử; Người là Đấng chủ động, ấy thế mà Người lại trao quyền tự do cho con người; Thiên Chúa là Chủ của lịch sử, ấy thế mà sự dữ vẫn có mặt trong lịch sử.

Theo như cha B. Maggioni trình bày, Kinh thánh cho thấy những nét tương phản trong mầu nhiệm Thiên Chúa, song lại không đưa ra lời giải đáp. Kinh thánh không kéo Thiên Chúa ra khỏi mầu nhiệm của Người. Con người theo Kinh thánh không thừa nhận một Thiên Chúa tách khỏi lịch sử; có nhiều thuyết thần bí trong đời sống tâm linh thuộc Kinh thánh, nhưng đây không phải là cuộc gặp gỡ với một Thiên Chúa vốn khước từ lịch sử và trần gian. Con người theo Kinh thánh chống lại Đức Chúa nào cưỡng ép lịch sử, không nhường chỗ cho sự tự do và sự dữ. Con người theo Kinh thánh cũng không thừa nhận Thiên Chúa nào bỏ mặc sự tự do cho con người và cho trần gian; như thế Người không còn là Đấng chủ động và không còn là Chúa của lịch sử nữa. Đối với người có niềm tin, không thể bênh vực Thiên Chúa theo kiểu kéo Người ra khỏi mối tương quan với lịch sử. Do đó, việc tìm kiếm Thiên Chúa không phải là một nỗ lực hiểu biết có tính suy lý; càng không phải là sự tìm kiếm Thiên Chúa như Người là, song bằng mối quan hệ sống động và cuộc sống cụ thể. Kinh nghiệm của Israel về Thiên Chúa cũng phải là kinh nghiệm riêng tư của mỗi người chúng ta.

Kinh nghiệm về Thiên Chúa không phải là một kinh nghiệm hoàn toàn dựa trên sách vở hoặc tri thức, đó phải là kinh nghiệm về một cuộc gặp gỡ sống động, có khi là êm đềm, có khi là qua biến cố “ngã ngựa” nào đó, và cũng có khi là những năm tháng dài đối diện với sự im lặng khủng khiếp. Tuy nhiên, gặp gỡ Thiên Chúa cách nào không quan trọng cho bằng chính thái độ mở lòng ra để cho Người gặp gỡ, hiện diện và yêu thương.

2. Gặp gỡ Thiên Chúa qua cầu nguyện

Ở đây chúng ta không làm một chương khảo luận về cầu nguyện, nhưng chỉ nhấn mạnh đến chính kinh nghiệm cầu nguyện của người thụ hưởng. Không ai có thể thay thế việc cầu nguyện cho chính đương sự; không ai có thể khao khát thay cho đương sự; và không ai có thể gặp gỡ thay cho đương sự. Hành trình tâm linh vẫn là nẻo đường riêng tư Thiên Chúa đến với từng người, và từng người phải tìm về với Thiên Chúa.

Mỗi người cảm nghiệm về Thiên Chúa cách khác nhau: Thiên Chúa có thể được quan niệm như một người cha nghiêm khắc, thích trừng phạt; hoặc như người mẹ hiền từ nhân ái; như người thầy mẫu mực dạy đường tâm linh; như người bạn có thể cảm thông và chia sẻ mọi niềm vui nỗi buồn; hay cũng có khi Thiên Chúa chẳng là gì cả, chẳng có ý nghĩa gì trong cuộc đời tôi. Trước nhan Thiên Chúa, thánh Catarina Siêna thấy mình là hư vô, Thiên Chúa là tất cả; thánh Têrêsa Hải Đòng Giêsu thì thấy mình là đứa con thơ trong vòng tay âu yếm của Cha... Kinh nghiệm của mỗi người đều là độc đáo và riêng biệt. Con người có thể gặp Chúa qua nhiều hoàn cảnh, nhiều cách thức, nhưng nẻo đường cầu nguyện vẫn là lối ngõ để con người dễ dàng tiếp xúc với Thiên Chúa, tương quan mật thiết với Người.

Thực ra, cầu nguyện đơn giản chỉ là chia sẻ những dự phóng, niềm vui nỗi buồn, ưu tư khắc khoải của mình với Thiên Chúa, để Thiên Chúa cùng liên lụy với cuộc đời mình; cầu nguyện là sống tương quan tình bạn với Thiên Chúa, là dành giờ cho Thiên Chúa, là sống một mình với Thiên Chúa... Khởi đi từ chính kinh nghiệm gặp gỡ Thiên Chúa trong việc cầu nguyện này, đương sự có thể tiến những bước xa hơn trên hành trình tâm linh, và như vậy việc đồng hành thiêng liêng mới có thể đạt đến kết quả.

Cuối cùng, làm sao mỗi người phải tạo được mối tương quan thân tình với Thiên Chúa, đặc biệt phải thấy được Đức Giêsu có ý nghĩa gì trong cuộc đời mình. Ví dụ khi trải qua đêm tối cô đơn khắc khoải, người ta có thể thấy Người là Đấng lấp đầy những khát vọng của lòng mình. Trong khoảng lặng của sự cô đơn đó, người ta nhận ra Đức Giêsu là bạn của mình, một người bạn đúng nghĩa. Người hiện diện ở đó, không khuyên lơn, không trách móc, không lên lớp dạy luân lý, không tìm cách kéo con người ra khỏi sự cô đơn, nhưng Người cùng lặng lẽ cảm thông và chia sẻ. Chính lúc cô đơn tuyệt vọng nhất, đêm tối dày đặc nhất, thì người ta lại thấy vỡ òa một ánh sáng linh diệu xuyên thấu tâm hồn mình. Và Đức Giêsu cũng là một con người cô đơn như thế, “Lạy Cha, Cha bỏ con sao?” [28] Trong vườn cây dầu, Người đã phải thốt lên “Tâm hồn Thầy buồn sầu đến nỗi chết được”. [29] Người cô đơn đấy, nhưng không bi lụy, không ngã gục, mà vẫn đi đến trọn hành trình vâng phục: “Xin vâng ý Cha, đừng theo ý con”. [30] Đó cũng chính là kết quả của một cuộc đồng hành thiêng liêng đúng nghĩa: vâng theo thánh ý Thiên Chúa.

III. Tương quan ngôi vị

Một cuộc gặp gỡ đích thực phải là cuộc gặp gỡ trong tương quan ngôi vị. [31] Con người là một hữu thể có ngôi vị; theo ý nghĩa này, ngôi vị con người có thể tương quan với ngôi vị Thiên Chúa. Thánh Tôma Aquinô nhấn mạnh đến khía cạnh tương quan, nhất là tương quan bản thể và lập hữu nơi Thiên Chúa. [32]

Xét trong mối tương quan giữa con người và Thiên Chúa, tính cách ngôi vị lại càng trở nên hiện sinh, độc đáo và cá vị. Con người hoàn toàn tự do trong các chọn lựa. Thiên Chúa cũng tự mặc khải mình là Đấng tự do, là Đấng quan tâm đến những ưu tư của con người, và có khả năng đi vào cuộc đối thoại. Chính trên nền tảng tự do này, phẩm giá con người được nâng cao, được tự do đáp trả lời mời gọi của Thiên Chúa với tư cách là con, là nghĩa tử. [33]

1. Tinh thần nghĩa tử

Trong Tin mừng, đặc biệt trong các thư của thánh Phaolô gửi giáo đoàn Rôma và Galát, chúng ta thấy người Kitô hữu được ban ân sủng để vượt qua chế độ lệ luật, sống chế độ ân sủng, sống sự tự do hào hùng của con cái Chúa. Thánh Phaolô khẳng định: “Tội lỗi sẽ không còn quyền chi đối với anh em, vì anh em không còn lệ thuộc vào lệ luật, nhưng lệ thuộc vào ân sủng”. [34]

Trong chế độ ân sủng, điều cao quý hơn cả là con người được đồng thừa tự với Đức Kitô, được lãnh nhận Thần Khí để trở nên nghĩa tử, nên con cái Thiên Chúa: “Để chứng thực anh em là con cái, Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên: Áp-ba, Cha ơi! Vậy anh em không còn phải là nô lệ nữa, nhưng là con, mà đã là con, thì cũng là người thừa kế, nhờ Thiên Chúa”. [35]

Một khi được lãnh nhận Thần Khí để trở nên con cái Thiên Chúa, chúng ta được tự do. Đó không phải chỉ là thứ tự do đối với tội lỗi, nhưng còn là tự do với những ràng buộc của lệ luật, [36] tự do với những thế lực trần gian. Khi đặt mình vào mối tương quan này với Thiên Chúa, con người đứng thẳng, không sợ hãi, không sống như tên nô lệ trong nhà chủ, nhưng là con cái trong nhà. Lúc này sự sợ hãi được thay thế bằng lòng yêu mến, hình thức sống đạo lệ luật hoặc theo kiểu “vay - trả” được thay thế bằng thái độ sống đức tin trong sự tín thác và đặt mọi mối tương quan trong tình bác ái.

Thần Khí sẽ dẫn con người đến những chân trời tự do đích thực; [37] và chỉ trong tự do, thứ tự do hào hùng của con cái Chúa, con người mới có thể nâng mình lên cao, vượt qua được những rào cản của đầu óc chật hẹp, những thứ luân lý úy kỵ, những kiểu sống đạo luồn lách, tính toán, hay thái độ sợ hãi co cụm... Trong nhà cha, con người tìm lại được vị thế cao trọng của mình, vị thế là con chứ không phải nô lệ: “Quả thế, thưa anh em, anh em đã được kêu gọi để hưởng tự do. Có điều là

đừng lợi dụng tự do để sống theo tính xác thịt, nhưng hãy lấy đức mến mà phục vụ lẫn nhau”. [38]

Như vậy, tất cả luật lệ chỉ còn là phương tiện để đạt đến đức ái, mà đức ái trọn hảo là chính Thiên Chúa. Đức ái trở thành đích điểm, và cuộc đời mỗi người chỉ nên trọn khi đạt đến đức ái vẹn toàn. Thiên Chúa đã có kế hoạch cho cuộc đời của mỗi người; sự quan phòng của Người không miễn trừ cho con người phải lên đường khám phá. Ôn cứu độ là quà tặng nhưng không, nhưng Thiên Chúa vẫn mời gọi con người tự do đón nhận hay khước từ. Thánh Âu Tinh nói: “Chúa dựng nên ta không cần có ta, nhưng Người sẽ không cứu ta nếu không có ta cộng tác”.

Chúng ta có thể cộng tác với Thiên Chúa bằng nhiều cách thức, nhưng thiết nghĩ, một trong những cách thức cộng tác tích cực với Thiên Chúa là lắng nghe tiếng Người và khám phá kế hoạch của Người trên cuộc đời ta.

2. Khám phá ra Thiên Chúa và kế hoạch của Người trên cuộc đời mình

Trong hành trình tâm linh, mỗi người phải đọc ra lịch sử cứu độ đời mình trong dòng lịch sử cứu độ chung của cả nhân loại. Tất cả những biến cố xảy ra trong lịch sử chung hay trong chính lịch sử đời ta, đều là những dấu chỉ, là tiếng nói của Thiên Chúa mà con người cần phải khám phá. Với góc nhìn này, những biến cố lịch sử, đặc biệt là lịch sử Cựu ước, là những bài học tâm linh quý báu để mỗi người nhận ra một điều rất thật: Thiên Chúa yêu thương mình.

Trong lịch sử đời mình, thường những trang bi đát, tăm tối lại là những trang in đậm dấu ấn tình yêu Thiên Chúa. Lịch sử của bao vị thánh lớn cũng khởi đi từ những trang tăm tối như thế. [39]

Tuy nhiên, cũng không thiếu những tâm hồn được Thiên Chúa quan phòng đặc biệt; không cần những trang sử đau thương, họ cũng cảm nhận sâu xa thế nào là tình thương Người đã dành cho họ.

Nếu không khám phá ra kế hoạch của Chúa, hay không biết đâu là thánh ý Chúa, con người phải mày mò khổ sở và có nguy cơ rơi vào tình trạng sai lầm thâm trọng. Chính vì đường lối Thiên Chúa không phải là đường lối của con người, nên kinh nghiệm thực tế cho thấy không dễ dàng gì chúng ta nhận ra được điều gọi là ý muốn của Thiên Chúa. Tìm ra ý Chúa là điều quan trọng, nhưng không phải là biết hết được chương trình của Thiên Chúa. Biết được chương trình của Chúa và nhận ra ý Chúa là hai chuyện hoàn toàn khác biệt; nhiều khi chúng ta phải thay đổi não trạng, thay đổi cái nhìn về Thiên Chúa.

Biết đâu Thiên Chúa của ta chỉ là kết quả của một mớ những quan niệm sai lạc, là sản phẩm do chính con người tạo ra? Nếu quả thực là thế, không cách nào khác, con người phải thay đổi cách nhìn về Thiên Chúa, thay đổi chính não trạng của mình. Một khi nhận ra được đâu là Thiên Chúa chân thật, con người mới có cơ may khám phá ra ý định của Người trên cuộc đời mình. Trong chương trình quan

phòng của Thiên Chúa, tương lai nhân loại đã được đặt định, và đó cũng là sự tiền định cho mỗi người. [40]

“Trong Đức Kitô, Người đã chọn ta trước cả khi tạo thành vũ trụ, để trước thánh nhan Người, ta trở nên tinh tuyền thánh thiện, nhờ tình thương của Người. Theo ý muốn và lòng nhân ái của Người, Người đã tiền định cho ta làm nghĩa tử nhờ Đức Giêsu Kitô”. [41] “Những ai đón nhận Người, thì Người cho họ quyền trở nên con cái Thiên Chúa”. [42]

Từ ngàn đời Thiên Chúa đã có chương trình chung cho mỗi người; thế nhưng mỗi người còn phải đọc ra ý Chúa qua từng biến cố trong cuộc đời mình, qua những bước thăng trầm, thành công và thất bại, yếu đuối và tội lỗi, bất toàn và thất tín..., để thấy được nơi đó những hồng ân Thiên Chúa ban tặng, hầu có thể hoàn thành vận mệnh đời mình theo đúng chương trình của Thiên Chúa.

Trong thực tế, rất nhiều khi con người gặp phải khủng hoảng, đi vào “đêm tối của đức tin”; Thiên Chúa dường như vắng bóng; để nhận ra Người luôn hiện diện đầy yêu thương, đang hướng dẫn mình ngay cả trong lúc đen tối nhất, quả là một thách thức không nhỏ. Chỉ khi nào xây dựng được mối tương quan thẩm thiết bền chặt với Thiên Chúa, con người mới có thể dễ dàng vượt qua những chướng ngại đó và tiến lên trên con đường hoàn thiện.

Những điều trên đây nói về mối tương quan giữa người thụ hưởng và Thiên Chúa, thì cũng được hiểu tương tự như vậy trong mối tương quan giữa người đồng hành và Thiên Chúa. [43] Chỉ có Thiên Chúa là vị đồng hành đích thực; tất cả mọi người đều phải lắng nghe tiếng Chúa, đều phải được Người hướng dẫn. Những ai có sứ mạng đồng hành với kẻ khác, thì hơn ai hết, họ phải có mối tương quan sâu sắc với Thiên Chúa, phải có kinh nghiệm sống động về Người. Chính từ kinh nghiệm quý báu này, họ dễ dàng hướng dẫn người khác trên con đường thánh thiện. Đừng quên rằng mối tương quan giữa người đồng hành và Thiên Chúa là một yếu tố quan trọng đem lại kết quả đích thực cho việc đồng hành thiêng liêng.

Chúng ta cùng tìm hiểu mối tương quan khác trong việc đồng hành thiêng liêng, đó là tương quan giữa người đồng hành với người được đồng hành. Đây là mối tương quan rất phức tạp, vì cả hai đều giới hạn, đều rất mong manh. Nếu mối tương quan này không được định hướng, không được xây dựng đúng đắn, thì việc đồng hành thiêng liêng khó lòng có được kết quả. Chúng ta cùng đi vào mối tương quan phức tạp nhưng đầy thú vị này.

[1] Xc. Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, Phương pháp linh hướng, tr. 125.

[2] Xc. St 13, 2.5-18.

[3] Xc. St 41.

[4] Xc. 1V 3, 4-14.

[5] Xc Kn 7,7-14.

[6] Xc. Cn 8,22-31.

[7] Xc. Hc 4,1-10.

[8] Xc. Francis Kelly Nemeck, OMI, Marie Theresa Coombs, Hermit, Phương pháp linh hướng, tr. 128.

[9] Xc. Sđd tr. 129-130.

[10] Kn 7,27-28.

[11] Kn 7,28.

[12] Xc. Mt 5,17-18; Lc 4,21...

[13] Xc. 1Cr 1,17 - 2,16.

[14] Xc. Rm 16,27; Ep 1,17; 1Cr 1,24,30; Cl 2,3.

[15] Xc. Mt 7,24-25; Lc 6,47-49.

[16] Xc. Gc 1, 5-11; Lc 10, 21-24.

[17] Xc. 1Ga 4,1-6.

[18] Xc. 2Tm 4, 1-5.

[19] Xc. Rm 1, 16-25; 1Cr 3, 18-19.

[20] Công đồng Vat. II, DV 2.

[21] Xc. Cn 30, 1-6.

[22] Đây là một trong năm con đường nhận biết Thiên Chúa (ngũ đạo) của thánh Tôma Aquinô. Xin coi thêm Kn 13, 1-9.

[23] Xc. Is 51, 1-3.

[24] Trong thình lặng, thánh Âu Tinh cầu nguyện: “Lạy Chúa, xin cho con biết Chúa, xin cho con biết con”.

[25] Xc. Bài nghiên cứu “Cảm nghiệm tâm linh trong Kinh thánh”, của tác giả B. Maggioni đăng trong Dictionnaire de la Spirituelle, les Éditions du Cerf, tr. 372-411.

[26] Ví dụ: “Thiên Chúa ở cùng chúng ta”, “Thiên Chúa đã đưa chúng ta ra khỏi Ai Cập”...

[27] Xc. Xh 14,11; 16,3; 17,3; Ds 11,4-6; 11,31-34.

[28] Mc 15, 34.

[29] Mc 14, 34.

[30] Mc 14, 36.

[31] “Ngôi vị” là một hạn từ được diễn tả theo lời Kinh viện. Boèce định nghĩa: “Ngôi vị là bản thể cá thể thuộc bản tính có lý trí” (*rationali naturae individua substantia*). Xc. Nguyễn Trọng Viễn, OP. Gặp gỡ chính Chúa, tr. 155.

[32] Xc. S.T. I,q.29,a.4.

[33] Chân lý này không phải ai cũng nhận ra. Rất nhiều tín hữu chỉ dừng lại trong mối tương quan sợ hãi; họ không thấy Thiên Chúa là Cha yêu thương, mình là con, mà chỉ sợ Chúa phạt, sợ hoả ngục...

[34] Rm 6,14 tt.

[35] Gl 4, 6-7.

[36] Xc. Cv 15, 1-31.

[37] Xc. Ga 8, 31-59.

[38] Gl 5,13.

[39] Có những vị thánh lớn gắn liền với những trang sử chẳng có chút gì hào hùng, có chăng là sự hào hùng của dấu ấn tình yêu Thiên Chúa: thánh Phêrô chối Chúa, thánh Phaolô bách hại đạo, thánh Âu Tinh với cả một quá khứ “hoang đàng”,... Tất cả những trang sử “đen tối” ấy, có ai ngờ lại là bức nền cho tình yêu và lòng thương xót của Thiên Chúa ngày sáng hơn.

[40] Tuy nhiên chúng ta phải hiểu tiền định không theo nghĩa tiêu cực như quan niệm bình dân về số mệnh: số người này sống, số người kia khổ; hoặc những sự rủi ro xảy đến như tai nạn, bệnh tật... người ta dễ dàng quy kết tất cả cho Chúa, cho là Chúa định như vậy. Phải hiểu về ơn tiền định theo quan điểm của thánh Phaolô, tiền định cho con người được làm con cái Thiên Chúa, được thừa hưởng hạnh phúc vinh quang. Tiền định là việc rất tích cực, ngay cả trong những đổ vỡ, Thiên Chúa vẫn có thể lèo lái để sinh ích cho con người (Xc. Rm 8, 28-30).

[41] Ep 1, 4-5.

[42] Ga 1,12.

[43] Ở đây chúng tôi không chia thành một chương riêng nói về mối tương quan giữa người đồng hành và Thiên Chúa, vì hiểu ngầm những gì nói trong mối tương quan giữa người thụ hưởng và Thiên Chúa cũng được hiểu như thế đối với người đồng hành.

Chương II

TƯƠNG QUAN GIỮA NGƯỜI ĐỒNG HÀNH VÀ NGƯỜI ĐƯỢC ĐỒNG HÀNH

I. Tương quan liên nhân vị

II. Tương quan trong tự do và “liên lụy”

Trong chương này, chúng ta sẽ tìm hiểu đâu là mối tương quan đúng đắn khả dĩ làm cho nhân cách và tâm linh của cả hai bên đều được thăng tiến. Nói như ngôn ngữ của cha Matta el-Meskin, một đan sĩ thuộc đan viện Cóp-te (Ai Cập): “Tôi tự nuôi mình bằng những mảnh vụn rơi từ bàn ăn mà Chúa yêu cầu tôi dọn cho người khác”. [1] Để thu lượm được dồi dào những miếng vụn bánh này, mối tương quan giữa người đồng hành và người được đồng hành phải là mối tương quan liên nhân vị; mối tương quan này không loại trừ sự lệ thuộc lẫn nhau, nhưng vẫn giữ được nét độc đáo của mỗi cá vị.

I. Tương quan liên nhân vị

Mỗi người là một ngôi vị độc đáo và riêng biệt; do vậy trong mối tương quan, điều quan trọng mỗi bên phải là chính mình. Đây là mối tương quan giữa hai chủ thể chứ không phải giữa chủ thể và đối tượng; điều này giả thiết là phải có sự chân thành, tôn trọng và yêu thương chân chính, nghĩa là mỗi bên phải coi nhau như chủ thể độc đáo bất khả thay thế. Dựa theo triết gia Gabriel Marcel (1889-1973), [2] chúng ta tìm vài nét căn bản về mối tương quan ngôi vị.

Trước tiên, tương quan ngôi vị hay liên nhân vị không có chỗ cho sự gặp gỡ giữa chủ thể và đối tượng; nghĩa là con người chỉ đạt đến tha nhân nhờ sống với, nhờ yêu thương chia sẻ, chứ không phải nhờ lý trí hiểu biết, tìm tòi, khám phá.

Như vậy, mối tương quan này bao hàm sự dần thân, nghĩa là đòi buộc cả hai bên phải ra khỏi chính mình. Đây là hành trình khá phiêu lưu nhưng cần phải đạt đến để hai bên có thể gặp được nhau, trong sự cảm thông và yêu thương đích thực.

Và cuối cùng, thái độ dần thân ấy phải đưa đến sự đón nhận con người thật của nhau, chân nhận tầm quan trọng của người khác trên mình; từ đó họ có thể bỏ túc cho nhau chứ không chiếm hữu hay thống trị.

Từ những nguyên tắc căn bản trên, chúng ta áp dụng cụ thể cho mối tương quan giữa người đồng hành và người được đồng hành. Nếu muốn dần thân, người đồng hành phải đi bước trước. Nhiều khi không cần phải là điều gì to tát, nhưng chỉ là thái độ cởi mở sẵn thiệp, không phòng vệ hay giả tạo; chấp nhận bị tổn thương vì những phản kháng, công kích. [3] Chính thái độ chân thành và nhập cuộc, “vui với người vui, khóc với người khóc”, vị đồng hành dễ dàng tạo được sự đồng cảm và lòng tin nhiệm nơi người thụ hưởng.

Làm sao có thể giúp đỡ người khác khi mình không yêu mến họ? Làm sao có thể yêu mến mà không cảm thông? Làm sao có sự cảm thông nếu không kiên nhẫn lắng nghe và hiểu họ? Người đồng hành không thể bỏ qua những câu hỏi tưởng chừng đơn giản này. Chính khi mình chân thành làm cho các vấn đề sáng tỏ, là lúc người thụ hưởng nhận ra tầm quan trọng của mình trên họ, và người đồng hành cũng nhận ra tầm quan trọng của người thụ hưởng đối với mình. Cứ như thế, mối tương

quan đi vào chiều sâu, lắng nghe nhau, và cùng nhau lắng nghe Chúa; con đường tâm linh mở ra, và người thụ hưởng nhận ra nẻo đường Thiên Chúa dành cho mình, cuộc đồng hành thiêng liêng hiển lộ.

II. Tương quan trong tự do và “liên lụy”

Tự do là cửa ngõ dẫn vào các mối tương quan, và nhờ tự do mỗi tương quan có thể lớn mạnh. Tự do để mỗi người đều được là mình, được độc lập trong cách sống, cách suy nghĩ, và ngay cả trong cách thức nên thánh của mình. Sự tự do hay độc lập ấy không được phép cào bằng; không thể có sự áp đặt, hay ra lệnh cho người khác trong mối tương quan đồng hành, vì người đồng hành đừng quên rằng mình chỉ đóng vai trò trợ giúp chứ không phải là quyết định cho người thụ hưởng.

Cha André Louf kể lại mẫu đối thoại của Đan viện phụ Poimen, một trong những vị nổi tiếng nhất trong vùng sa mạc Ai Cập, với một đan sĩ:

Vị đan sĩ hỏi: “Có những anh em sống với con, con có phải ra lệnh cho họ không?” - “Tuyệt đối không”, Đan viện phụ trả lời, “Phần con, con hãy hành động như phải làm. Còn nếu thật sự họ muốn sống, cứ để họ liệu lấy”. Đan sĩ nói tiếp: “Nhưng thưa cha, chính những người đó muốn con ra lệnh rõ ràng cho họ”. Nhưng cha Poimen đáp: “Không nên. Đối với họ con hãy là một mẫu gương, đừng bao giờ là nhà lập pháp cả”. [4]

Mẫu đối thoại trên trong truyền thống đan tu Kitô giáo nhắc đến một truyện cách ngôn khác trong truyền thống Do Thái giáo, trong đó một môn đệ giải thích làm sao anh ta chỉ cần nhìn sự phụ của mình thắt dây giày, mà anh đã được cảm hóa.

Như vậy, vị đồng hành đóng vai trò người dẫn đường hơn là vai trò một ông thầy. Chính cuộc đời vị hướng dẫn là một bài học sống động, là sứ điệp người môn đệ phải sống chứ không phải chỉ để thán phục, ngưỡng mộ.

Triết gia người Đan Mạch, Kierkegaard, coi vị đồng hành thiêng liêng còn hơn là người bạn nữa; trong khi đó Dante, khi nói về vị đồng hành thiêng liêng của mình là Virgile, thì coi ngài như là một người cha. [5]

Dù quan niệm vị đồng hành thiêng liêng là bạn hay là cha, thì nhất thiết mỗi tương quan đồng hành này phải là mối tương quan thông thoáng, hỗ tương, cởi mở và chân thành. Tóm lại, phải là mối tương quan tự do và tinh tế. Tự do để mỗi người có thể đi vào thế giới thiêng liêng của nhau, và phải tinh tế vì ý thức đây không phải là một cuộc dạo chơi mà là dò tìm ý Chúa; hơn nữa ý Chúa nhiều khi không tỏ bày cách trực tiếp cho người thụ hưởng mà qua trung gian của vị đồng hành. Vị đồng hành phải tinh tế để lắng nghe và phản hồi đúng lúc những khát vọng hay uẩn khúc sâu thẳm trong lòng người thụ hưởng. Và người thụ hưởng cũng phải tinh tế để nhận ra sự hiển lộ ngay trong tâm hồn mình, giống như lòng các môn đệ trên đường Emmau đã rạo rức lên khi nghe Đức Giêsu giải thích Kinh thánh, [6] như người môn đệ chỉ cần xem thầy mình thắt dây giày là anh đã “giác ngộ” tâm linh.

Mối tương quan tự do sẽ đưa con người đến những chân trời rất xa, nhiều khi họ không hề nghĩ tới trước. Có lẽ người phụ nữ bên bờ giếng Giacóp chẳng bao giờ nghĩ rằng mình sẽ gặp Đức Kitô, sẽ tuyên xưng niềm tin vào Người; thế mà chị đã gặp, đã tuyên xưng lòng tin vào con Thiên Chúa. [7] Hai môn đệ Emmau chẳng hề nghĩ rằng sẽ được gặp lại Đấng mình đã đặt bao niềm hy vọng, thế nhưng hai ông đã gặp Người; Đấng các ông trông chờ lại chính là người bộ hành đang đi bên cạnh các ông.

Tuy nhiên, chính khi người ta bước những bước thật dài trong mối tương quan tự do, người ta lại thấy một sự “liên lụy”. Trong trình thuật Tin mừng về hai môn đệ trên đường Emmau, Đức Giêsu tự thấy mình cần nhập cuộc, đồng hành, và ở lại nhà các môn đệ; nói cách khác Người thấy mình liên lụy với họ. Còn về phía các môn đệ, các ông thấy mình có trách nhiệm phải loan báo về Đấng mình vừa gặp. Sự “liên lụy” hỗ tương này ta cũng thấy nơi câu truyện Đức Giêsu và người phụ nữ bên bờ giếng Giacóp, câu truyện ông Giakêu, ông Lêvi, cũng như nơi nhiều trình thuật Tin mừng khác.

Gọi là mối tương quan tự do, nhưng tự do không có nghĩa là đứng đưng, không liên đới, vô trách nhiệm, mà hai bên đều thấy mình liên lụy với nhau; hay nói khác đi sự hướng dẫn của vị đồng hành đối với người thụ hưởng là rất quan trọng. Người thụ hưởng được đón nhận cả những kinh nghiệm thiêng liêng rất riêng tư của vị đồng hành; và ngược lại, những kinh nghiệm, kể cả những kinh nghiệm về tội lỗi của người thụ hưởng cũng là bài học, là quà tặng cao quý mà người đồng hành được trao tặng. Chính nhờ mối tương quan tự do và liên lụy hỗ tương này, cả hai người đều được lớn lên và thành toàn trong đời sống đức tin, và trong hành trình “trở nên hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng hoàn thiện”; hay nói như ngôn ngữ của thánh Phaolô, trong hành trình đạt tới “tình trạng con người trưởng thành, tới tầm mức viên mãn của Đức Kitô”. [8]

Nếu nói như Dante, vị đồng hành thiêng liêng là cha của mình, [9] điều đó cũng không quá đáng. Chính thánh Phaolô đã chẳng nói: “Cho dù anh em có ngàn vạn giám thị trong Đức Kitô, anh em cũng không có nhiều cha đâu, bởi vì trong Đức Kitô Giêsu, nhờ Tin mừng, chính tôi đã sinh ra anh em”? [10] Hay ở lá thư khác, thánh nhân viết: “Hỡi anh em, những người con bé nhỏ của tôi, mà tôi phải quặn đau sinh ra một lần nữa cho đến khi Đức Kitô được thành hình nơi anh em...” [11] Nếu như Socrate gọi việc ông tác động nơi người khác giúp họ nảy sinh những suy tư là “sản ý”, thì cũng có thể nói có “khoa sản thiêng liêng”, theo như cách nói của cha Thomas Merton, nhằm giúp cho con người tâm linh được “sinh ra trọn vẹn” (fully born). [12]

Trong mối tương quan đồng hành này, còn nhiều vấn đề phức tạp không thể không đề cập tới; chúng ta sẽ bàn đến ở một chương riêng, đó là “những khó khăn trong mối tương quan đồng hành”.

[1] Xc. André Louf, *Ân sủng còn kỳ diệu hơn*, tr. 87-88.

[2] Xc. Nguyễn Trọng Viễn, OP. Những căn bệnh trầm kha trong đời sống đức tin Công giáo tại Việt Nam, tr. 133-134.

[3] Xin đưa một thí dụ điển hình trong Kinh thánh về việc đồng hành giữa Đức Giêsu và người phụ nữ bên bờ giếng Giacóp được thánh Gioan trình bày trong Tin mừng thứ tư chương 4,4-42. Đức Giêsu gặp phải rất nhiều phản kháng từ phía người phụ nữ:

- “Ông là người Do Thái, mà lại xin tôi, một phụ nữ Samari cho ông nước uống sao?” (4,9).

- “Thưa ông, ông không có gầu, mà nước lại sâu. Vậy ông lấy đâu ra nước hằng sống? Chẳng lẽ ông lớn hơn tổ phụ Giacóp chúng tôi, là người đã cho chúng tôi giếng này?” (4,11-12).

- “Tôi không có chồng ...” (4,17)

Đức Giêsu kiên nhẫn đón nhận tất cả và hoá giải những phản kháng ấy. Kết quả Đức Giêsu gặt hái được chính là mầm sống đức tin nảy sinh trong tâm hồn người phụ nữ và trong số đông dân thành Samari.

[4] Xc. André Louf, Buông theo ân sủng, tr. 131-132.

[5] Xc. Sđd tr. 135.

[6] Xc. Lc 24,32.

[7] Xc. Ga 4, 4-42.

[8] Ep 4,13.

[9] Thực ra quan niệm của Dante không xa lạ gì với chúng ta, việc gọi vị đồng hành thiêng liêng là “cha linh hướng, cha linh hồn”, là kiểu nói chúng ta rất thường gặp. Các Giáo hội Đông phương gọi mối tương quan này là “tình phụ tử thiêng liêng”.

[10] 1Cr 4,15.

[11] Gl 4,19.

[12] Xc. André Louf, Buông theo ân sủng, tr. 138-139.

Chương III

NHỮNG KHÓ KHĂN

TRONG MỐI TƯƠNG QUAN ĐỒNG HÀNH

I. Từ phía người đồng hành

1. Phóng chiếu

2. Chuyển dịch ngược
3. Thiếu sự hài hòa
4. Thiếu sự trưởng thành

II. Từ phía người được đồng hành

1. Quá bám víu hay quá dễ dàng thay đổi vị đồng hành
2. Hy vọng hảo huyền
3. Chuyển dịch
4. Rối loạn nhân cách

Cũng như sự bấp bênh trong tất cả các mối tương quan khác, mối tương quan trong đồng hành thiêng liêng cũng có những nguy cơ bị đổ vỡ, biến dạng, hay nhẹ hơn là những trục trặc khó có thể tránh khỏi. Ở đây chúng ta không bàn đến những khó khăn hay bất trắc trong mối tương quan giữa con người và Thiên Chúa, những khó khăn này phải được giải quyết trong suốt hành trình tâm linh, nhưng chỉ bàn tới những bất trắc trong mối tương quan giữa con người với con người. Những bất trắc này được nhìn từ khía cạnh tâm lý cũng như tâm linh, từ phía người đồng hành cũng như người được đồng hành.

I. Từ phía người đồng hành

Lý tưởng là phải tìm được một người đồng hành khôn ngoan, giàu kinh nghiệm, và trưởng thành trong đời sống nhân bản cũng như tâm linh; tuy nhiên trong thực tế, là con người ai cũng có giới hạn; vị đồng hành cũng là người còn đang trong phận lữ hành, cần phải được thanh luyện, nên bất toàn là điều không thể tránh khỏi. Nếu đi tìm một vị đồng hành “đủ tiêu chuẩn” thì như thánh Têrêsa Avila đã thú nhận rằng phải mất 20 năm mà vẫn chưa tìm được một vị linh hướng. [1] Chính vì vậy, trong mối tương quan đồng hành, người ta rất thường gặp phải những trục trặc:

1. Phóng chiếu [2]

Khi đến với việc đồng hành thiêng liêng, cả người đồng hành lẫn người được đồng hành đều mang theo một quá khứ với đầy những vấn đề phức tạp: kinh nghiệm vui buồn, thành công và thất bại, những cảm đoán khắt khe, những ảnh hưởng từ sự giáo dục của gia đình, xã hội, tôn giáo...; đó là cả một thế giới vô thức ngấm ngầm hoạt động. Dù muốn dù không, không nhiều thì ít, thế giới vô thức này sẽ chi phối các hoạt động của con người. Chính vì vậy, rất thường gặp hiện tượng người ta phóng chiếu lên người khác những gì là của riêng mình; có khi đó là những lý tưởng mình đang vươn tới, là những xu hướng xấu mình đang cố gắng trốn chạy, là những điều thích thú mình đã đạt được... Có điều là, khi làm những việc ấy bản thân không hề ý thức. Hiện tượng này có thể xảy ra đối với cả hai phía, người đồng hành cũng như người được đồng hành.

Nếu vị đồng hành có khuyết điểm trên, thì mối tương quan đồng hành khó đạt đến kết quả; đã vậy, sự hiển lộ của người thụ hưởng cũng trở nên mờ nhạt. Bởi lẽ, thay vì chú tâm vào người thụ hưởng, lắng nghe, giúp đỡ để họ có thể nhìn ra con người thật của họ, từ đó bước theo đường hướng của Thiên Chúa, thì ở đây, người đồng hành lại tập trung vào bản thân mình, tìm cách bù đắp những gì mình đã mất, hoặc che đậy những xu hướng xấu mà chính bản thân đang mắc phải.

Trong việc đồng hành thiêng liêng, người đồng hành không được phép để người thụ hưởng dừng lại nơi bản thân mình, nhưng phải dẫn họ đến với Thiên Chúa; không thể dừng lại nơi những kinh nghiệm riêng tư của mình, cho dù đó là kinh nghiệm được gặp Chúa, mà phải để cho người thụ hưởng tiến xa hơn; chính kinh nghiệm của họ với Chúa mới là điều hệ trọng. Không thể lấy mình làm khuôn mẫu cho người khác, chỉ có Thiên Chúa mới là gương mẫu đích thực cho cả người đồng hành và người được đồng hành noi theo.

Một khi người đồng hành không hoàn toàn ý thức, hay làm chủ được bản thân mình, thì làm sao có thể có được sự phân định chính xác. Một khi những điều sâu kín trong tâm hồn người thụ hưởng bộc lộ ra mà không được đón nhận và soi sáng cách đúng mức, thì bản thân họ sẽ thấy mình bị tổn thương; thay vì vết thương tâm hồn được chữa lành nhờ việc lắng nghe, cảm thông, hướng dẫn, thì lại bị khoét sâu hơn nữa. Để vượt qua điều này, người đồng hành phải luôn ý thức, phản tỉnh và làm chủ chính bản thân mình; đừng bao giờ để thế giới vô thức điều khiển mà mình không biết.

2. Chuyển dịch ngược

Một hiện tượng tâm lý khác chúng ta thường gặp trong các cuộc trị liệu tâm lý, hay trong những cuộc tư vấn và đồng hành thiêng liêng, đó là hiện tượng chuyển dịch ngược. [3] Một khi vị đồng hành rơi vào tình trạng này, thì việc đồng hành thiêng liêng sẽ bị trệch hướng. Chuyển dịch ngược không bao giờ hữu ích cho việc đồng hành, vì việc làm này hoàn toàn phản lại tiến trình lắng nghe.

Chuyển dịch ngược được biểu lộ khi người đồng hành tương quan với người thụ hưởng như là một ai khác chứ không phải là chính họ. Chẳng hạn, tự vô thức, người đồng hành tìm thấy hình ảnh mẹ mình nơi người thụ hưởng; thế là trong cung cách tiếp xúc ứng xử, người đồng hành coi người thụ hưởng như một người mẹ với những biểu lộ yêu - ghét như chính tình trạng của bản thân đối với mẹ mình. Hoặc người đồng hành đang có sẵn những mặc cảm về người cha, một người cha khắc nghiệt, tàn nhẫn, thì trong quá trình đồng hành, người thụ hưởng có thể bị mặc lầy đáng dấp của người cha khắc nghiệt kia, trở thành đối tượng để vị đồng hành trút ra những dồn nén. Cũng có khi vị đồng hành tìm thấy hình ảnh của chính mình nơi người thụ hưởng, thế là tiến trình đồng nhất hoá nhân cách diễn ra; tất cả tình cảm, khuynh hướng, kinh nghiệm của bản thân được gán cho người thụ hưởng. Hiện tượng này cũng tương tự như hiện tượng phóng chiếu chúng ta đã bàn đến.

Việc chuyển dịch ngược cũng xảy ra khi những nhu cầu của bản thân xen vào trong mối tương quan đồng hành. Chẳng hạn bản thân người đồng hành có nhu cầu quan tâm, chăm sóc người khác, thì người thụ hưởng vô tình sẽ trở thành đối tượng đặc biệt được quan tâm. Nhiều khi việc làm này chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu của vị đồng hành chứ không phải là làm theo Thần Khí hướng dẫn.

Việc chuyển dịch ngược cũng diễn ra với những hình thức khác như: vị đồng hành muốn dùng người thụ hưởng để thể hiện quyền lực của mình, thái độ này sẽ dẫn đến tình trạng thống trị, ra lệnh cho người thụ hưởng và bắt họ phải tuyệt đối thi hành. Hoặc một hình thức khác ngược lại là: quá chiều chuộng người thụ hưởng, tán thành mau lẹ ý kiến của họ, bao che hoặc bào chữa những thiếu sót của họ... Việc làm như thế không thể là việc đồng hành đích thực, không phải là mối tương quan tự do, mà có thể nói là hai người đang nô lệ hóa nhau, đang biến người khác thành phương tiện để thoả mãn chính mình.

Như vậy, vị đồng hành phải làm thế nào để vượt qua tình trạng chuyển dịch ngược này? Dựa theo các quy luật tâm lý, chúng ta có thể đưa ra một vài gợi ý khả dĩ thực hiện được. Trước tiên, vị đồng hành không nên vội từ chối hay trấn áp những cảm nghĩ trên khi chúng vừa xuất hiện. Nếu không, những cảm nghĩ này sẽ không chế và thống trị đương sự. Kế đến, người đồng hành cần bình tĩnh lắng nghe, đón nhận những cảm xúc đó và hóa giải bằng thái độ phản tỉnh, gọi tên cảm xúc đó là gì, kéo nó ra khỏi vùng bóng tối vô thức. Chỉ có sự ý thức rõ rệt mới có thể đưa người đồng hành về đúng vị trí của mình được. Dĩ nhiên, ở đây chúng ta không quên còn có khía cạnh ân sủng Chúa trợ giúp nữa. Một khi nhìn rõ được bản thân, vị đồng hành cũng có thể đón nhận con người thật của người thụ hưởng; đó là khởi điểm cho việc tái thiết lập mối tương quan đồng hành đúng nghĩa, khả dĩ dẫn người khác bước trên con đường hoàn thiện.

Những gợi ý trên cũng chính là những giải pháp được rút ra từ kinh nghiệm đồng hành của những bậc thầy về đường tu đức như Francis Kelly Nemeč, O.M.I, tiến sĩ Tu đức học Đại học Công giáo Lyon, Giám đốc đan viện Lebh Shomea, miền hoang mạc South Texas; và Marie Theresa Coombs, tu kín, cao học thần học Học viện San Antonio, Texas. [4]

Chúng ta cùng tìm hiểu nổi khó khăn khác từ phía vị đồng hành, có nguy cơ phá vỡ mối tương quan đồng hành thiêng liêng này.

3. Thiếu sự hài hòa

Khó khăn này chủ yếu là do tính khí của vị đồng hành. Một người đồng hành quá nóng nảy, nghiêm khắc, cứng rắn sẽ chặn đứng khả năng bộc lộ của người thụ hưởng, sẽ làm cho họ mất lòng tin tưởng, và dễ có thái độ phản kháng hay co cụm lại như một cơ chế tự vệ để tìm sự an toàn. Trái lại, một người đồng hành thiếu cứng rắn và quá mềm mỏng, phóng khoáng, xoa dịu người thụ hưởng, sẽ dễ làm cho họ sống buông thả và nuông chiều theo những khuynh hướng xấu cố hữu của mình một cách ấu trĩ, và có thể từ đó mất dần cảm thức về tội lỗi và không còn nỗ lực để vươn

lên. Vì vậy, người đồng hành cần phải dung hoà hai đức tính cứng rắn và mềm mỏng này, biết thích nghi, uyển chuyển theo từng hoàn cảnh, đối tượng.

Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu, với tư cách là người đồng hành, đã kể lại rất rõ kinh nghiệm này:

“Khi giúp người khác, tôi đã học được rất nhiều. Tôi thấy trên hết là mọi tâm hồn hầu như có cùng cuộc chiến đấu, nhưng từng tâm hồn lại rất khác nhau... Không thể hành động theo cùng một cách thức với mọi tâm hồn được. Với những tâm hồn này, tôi thấy mình phải nên bé nhỏ, không sợ phải tự khiêm hạ bằng việc thú nhận những cuộc chiến đấu và những thất bại...; tuy nhiên, với những tâm hồn khác, tôi thấy rằng để làm bất cứ điều gì tốt cho họ thì tôi phải rất cứng rắn và không bao giờ rút lại những gì tôi nói”. [5]

Nguyên tắc vàng của việc đồng hành có lẽ vẫn là lòng nhân hậu; bởi lẽ, thường tình người đồng hành là dấu chỉ đầu tiên của tình yêu Thiên Chúa, và là phương tiện Thiên Chúa dùng để tỏ mình ra cho người thụ hưởng trong lúc họ đang gặp những khó khăn hoặc chao đảo, mất định hướng trên hành trình đức tin. Lòng nhân hậu đích thực sẽ mách bảo cho vị đồng hành biết lúc nào cần cứng rắn, lúc nào cần nhẹ nhàng cảm thông hơn với người thụ hưởng của mình.

4. Thiếu sự trưởng thành

Thực ra, không ai dám nói là mình hoàn toàn trưởng thành cả. Con người phải “làm người”, và phải trở nên người hơn mỗi ngày. Tuy nhiên, tùy theo lứa tuổi, chức nghiệp, người ta phải có sự trưởng thành tương đối về thể lý, tâm lý, và cả tâm linh nữa. Đối với vị đồng hành thiêng liêng, chúng ta nhấn mạnh ở đây khía cạnh thiếu sự quân bình về tình cảm, nhất là khi vị đồng hành là một người độc thân như linh mục, tu sĩ, thì sự thiếu quân bình dễ có nguy cơ xảy ra; đặc biệt là trong tương quan với người khác phái.

Một khi thái độ tình cảm bị xáo trộn, có những phản ứng quá đáng hoặc không thích hợp, thì mối tương quan đồng hành khó có thể tiến triển tốt đẹp. Nhiều khi cả hai bên đều rất thiện chí, chân thành, nhưng tự vô thức họ bị cuốn hút nhau do những hấp lực của cảm xúc, do tâm đầu ý hợp, rồi dần dà do thúc đẩy của sự khác biệt giới tính; cuộc đồng hành thiêng liêng không hoàn toàn là thiêng liêng nữa. Nhiều khi mối tương quan biến dạng này được mặc những tên gọi rất khác nhau: cha - con thiêng liêng, anh - em thiêng liêng, chị - em thiêng liêng, thầy - trò...; nhưng tựu trung cũng là mối tương quan mang sắc thái tình cảm nam nữ. Hiện tượng này xảy ra nhiều khi kéo theo cả một thế giới tuổi thơ của mình, thường là một tuổi thơ bất hạnh: mất mẹ hoặc thiếu cha... Cần phải kéo những cảm xúc vô thức trở về với thế giới hiện tại, thế giới ý thức, để con người có thể làm chủ được những cảm xúc của mình. Thái độ tỉnh thức và phản tỉnh lúc này là rất cần thiết:

“Vị linh mục hoặc nói chung là người cố vấn hay người đồng hành càng trưởng thành về mặt cảm xúc bao nhiêu thì sự an toàn cá nhân lại càng lớn bấy nhiêu

- đó là chưa kể những thành công cá nhân - và người ấy lại càng có khả năng nhận ra để vượt lên trên những vai vế khác nhau mà người kia có thể chữa trên mình”. [6]

Cần phải nhận ra, chấp nhận và vượt lên. Nhận ra một cách sáng suốt và khiêm tốn; chấp nhận với thái độ bình thản, không hoang mang, lo âu, sợ sệt; và cố gắng vượt lên không để mình rơi vào cạm bẫy. Để làm được điều này, cần phải cứng rắn, can đảm xua tan những “tình cảm bất chính”, để trái tim và tâm hồn được hoàn toàn tự do thanh thản với cái nhìn trong sáng. [7] Sự tiết chế thiêng liêng lúc này là cần thiết, đồng thời phải hiểu biết tối thiểu về sự khác biệt tâm lý giới tính, lứa tuổi [8] và đừng quên nại đến sự trợ lực của ân sủng.

Giả như người đồng hành đang mắc phải khó khăn này, thì phải can đảm đối diện trong kiên nhẫn và khéo léo. Trước tiên là điều chỉnh nhịp độ các cuộc gặp gỡ, thời gian mỗi lần nói chuyện, khung cảnh diễn ra buổi nói chuyện, làm chủ những biểu lộ tình cảm không đúng phép, và khước từ những đòi hỏi không cần thiết. Mặt khác, phải gây ý thức và chấn chỉnh lại mối tương quan. Đây không phải là công việc có thể làm ngày một ngày hai, nhưng phải kiên nhẫn thực hiện, không bỏ cuộc, không đốt giai đoạn. Có thể bước đầu sẽ thất bại, nhưng không có nghĩa là không thể thực hiện được.

Những điều bất trắc kể trên mới chỉ là một số trường hợp thường hay gặp trong mối tương quan đồng hành. Trong thực tế, người làm công việc “dọn đường cho Thiên Chúa”, để cho “thụ tạo làm việc trực tiếp với Tạo Hóa của mình”, [9] còn phải trải qua nhiều thử thách hơn nữa. Tuy nhiên, nếu xác tín việc đồng hành như là một ơn gọi, một sứ mạng, thì không gian nan nào không thể vượt qua. Điều quan trọng, đừng tưởng rằng mình có thể làm tất cả, việc đồng hành đích thực là việc làm của chính Thiên Chúa.

Sau khi tìm hiểu những khó khăn từ phía người đồng hành, chúng ta tìm hiểu về phía người được đồng hành nữa.

II. Từ phía người được đồng hành

Những khó khăn gặp phải từ phía người thụ hưởng là điều càng dễ xảy ra hơn nữa. Khi đến với vị đồng hành, người thụ hưởng mang theo cả một quá khứ, với đầy đủ những niềm vui - nỗi buồn, thành công - thất bại, hạnh phúc - đau khổ... Chính vì thế, vị đồng hành thiêng liêng sẽ phải đối diện với nhiều trường hợp khác nhau; trong đó không ít người đang gặp những rối loạn nhân cách, có xu hướng thích bám víu vào người khác, hoặc muốn tìm một giải pháp “nên thánh cấp tốc”, hay ôm ấp những hy vọng hão huyền... Những điều này dễ làm cho cuộc đồng hành thiêng liêng đi trệch hướng.

Chúng ta cùng tìm hiểu một số những khó khăn đó.

1. Quá bám víu hay quá dễ dàng thay đổi vị đồng hành

Người thụ hưởng có thể rơi vào hai thái cực, hoặc quá bám víu, hoặc quá dễ dàng thay đổi người đồng hành. Thái độ bám víu thể hiện khi người thụ hưởng “không chịu lớn lên”, chỉ thích dựa dẫm và chẳng bao giờ có thể tự đưa ra được một quyết định nào cho mình; họ muốn bám víu người khác như một chỗ dựa an toàn. Nếu người đồng hành không tinh tế, thì rất dễ có ảo tưởng là mình đang hướng dẫn người khác một cách tích cực; bởi vì trong mắt người thụ hưởng, lúc này vị đồng hành đóng một vai trò rất quan trọng, nếu không nói là trở nên thần tượng của họ. Nếu tình trạng này kéo dài, người thụ hưởng sẽ không bao giờ trưởng thành được, không tiến xa hơn được; và nguy hiểm hơn là họ chỉ dừng lại nơi vị đồng hành mà không thiết lập được mối tương quan đích thực với Thiên Chúa. Hơn nữa, trong hoàn cảnh này, rất dễ phát sinh hiện tượng chuyển hoá (conversion). Người đồng hành chỉ là “ngón tay chỉ mặt trăng”, nhưng vô tình trong mắt người thụ hưởng lúc này, vị đồng hành đã trở nên mặt trăng mất rồi.

Thánh Biển Đức khuyên những vị đồng hành thiêng liêng trước tiên phải phân định xem người thụ hưởng đang thực sự mong muốn điều gì; nếu vị đồng hành quá đơn sơ, không thấy được những dụng ý ngầm của người thụ hưởng, thì ngay từ bước đầu, việc đồng hành đã bị trệch hướng.

So với thái độ “quá tín nhiệm”, “quá trung thành” trên, thì có thể nói việc người thụ hưởng quá dễ dàng thay đổi người đồng hành lại là một thái cực ngược lại. Trong việc đồng hành, người thụ hưởng có quyền tự do chọn lựa vị đồng hành của mình; tuy nhiên, không phải tự do là có thể thay đổi nay vị đồng hành này, mai vị đồng hành khác. Việc làm này không phải là khôn ngoan, vì sẽ rất khó dung hoà những chỉ dẫn khác nhau, và như vậy tình trạng của bản thân có nguy cơ trở nên bi đát hơn nữa; cũng giống như người bệnh không tin tưởng đủ nơi bác sỹ nào, nên bác sỹ nào cũng đến khám, mỗi bác sỹ chẩn đoán mỗi cách, cuối cùng bệnh nhân chẳng biết mình mắc bệnh gì nữa, chẳng biết phải theo toa của bác sỹ nào, thế là bệnh tình càng trở nên trầm trọng hơn.

Nói như vậy không có nghĩa là tuyệt đối không được thay đổi vị đồng hành. Đôi khi việc thay đổi này lại là một giải pháp khôn ngoan và đúng đắn. Tuy nhiên khi muốn thay đổi vị đồng hành phải cân nhắc kỹ lưỡng. Những gợi ý sau đây phần nào có thể giúp cho người thụ hưởng có được quyết định khôn ngoan, chín chắn:
[10]

- Đây là động lực chính khiến tôi muốn thay đổi vị đồng hành?
- Phải chăng tôi muốn trốn chạy sự thật Thiên Chúa tỏ lộ qua vị đồng hành?
- Hay là do sự khác biệt và va chạm cá tính?
- Hoặc vị đồng hành quá độc đoán, thiếu kinh nghiệm, thiếu khôn ngoan?
- Có thể do vị đồng hành không dung dưỡng những ảo tưởng của tôi chăng?

Tóm lại, chỉ nên thay đổi vị đồng hành khi có đủ lý do nghiêm trọng. Chẳng hạn: khi việc đồng hành ấy trở nên vô ích hay là có hại, mặc dầu có thiện chí và lòng

ao ước chân thành tiến bước trên đường hoàn thiện; hoặc vị đồng hành chẳng bao giờ khuyến khích đường nhân đức, cũng chẳng sửa chữa các khuyết điểm, chẳng soi sáng cho người thụ hưởng nhận ra những vấn đề quan trọng của mình. Hay có khi vị đồng hành quá dung túng cho người thụ hưởng, hoặc bản thân mắc phải quá nhiều yếu đuối, sai lầm... Chúng ta khép lại vấn nạn bám víu hoặc thay đổi vị đồng hành ở đây; còn những vấn đề khó khăn khác nữa nơi người thụ hưởng mà chúng ta không thể không bàn tới.

2. Hy vọng hảo huyền [11]

Có những người coi việc đồng hành thiêng liêng không hơn không kém một cuộc tư vấn giới thiệu việc làm, và như vậy họ đòi hỏi phải có kết quả ngay. Nếu vị đồng hành không giải quyết tức khắc những khó khăn, họ sẽ thất vọng và phản ứng lại bằng thái độ hằn học hoặc bỏ dở cuộc đồng hành. Vấn đề căn bản nằm ở chỗ họ đồng hoá việc của Chúa với việc thuần túy của con người. Họ không có khả năng lắng nghe tiếng Chúa trong sự kiên nhẫn đợi chờ và tin tưởng phó thác.

Việc học biết trông đợi Thiên Chúa với lòng kiên nhẫn trong hy vọng luôn là bài học khó khăn trong cuộc đời, nhưng đây là bài học mang tính cứu độ. Thiên Chúa không thể đáp ứng những mong muốn hảo huyền của con người theo kiểu “mì ăn liền”, nhưng phải theo một tiến trình sự phạm tiệm tiến; hay nói cách khác, việc thiêng liêng hoá phải là một tiến trình tuần tự, khởi đi từ sự chấp nhận giới hạn của bản thân cách khiêm tốn, bình an; cố gắng mà không hề tuyệt vọng.

Người thụ hưởng phải học cho biết thế nào là lệ thuộc vào Thiên Chúa, phải để Thiên Chúa hướng dẫn cuộc đời của mình theo ý Người, chứ không phải là lên chương trình sẵn và bắt Thiên Chúa phải tuân theo. Chính vì vậy, cả vị đồng hành và người thụ hưởng phải tín thác vào Chúa và kiên trì lắng nghe, mặc dù vẫn chỉ nhận được thái độ im lặng, chưa có con đường nào sáng sửa phía trước. Đó phải là hành trình đức tin, một khi người thụ hưởng khước từ bước vào hành trình đức tin này, thì việc đồng hành thiêng liêng khó lòng hiển lộ.

Việc hy vọng hảo huyền của người thụ hưởng có khi còn được thể hiện qua thái độ thuyết phục người đồng hành chấp nhận những suy nghĩ, lập trường của mình; có khi đó là cách thức tìm hậu thuẫn, tránh né trách nhiệm cá nhân, hoặc tìm cách thoả mãn những đam mê xấu của mình mà không bị lương tâm cắn rứt. Kinh nghiệm của cha Merton cho thấy rằng nhiều tâm hồn rơi vào tình trạng này; một khi vị đồng hành thiêng liêng không đáp ứng nhu cầu của người thụ hưởng, thì mối tương quan đồng hành sẽ bị rạn nứt, nếu không muốn nói là sẽ đổ vỡ, thất bại.

Bây giờ chúng ta tìm hiểu một nỗi khó khăn khác rất thường gặp trong việc đồng hành, cũng như trong các cuộc tư vấn, hay trị liệu tâm lý; đó là hiện tượng chuyển dịch.

3. Chuyển dịch

Về phía người đồng hành, chúng ta đã bàn tới hiện tượng chuyển dịch ngược hay phản chuyển dịch; về phía người thụ hưởng, hiện tượng chuyển dịch [12] cũng là một vấn nạn gây khó khăn cho mối tương quan đồng hành. Mục đích của việc đồng hành là giúp người thụ hưởng thiết lập mối tương quan mật thiết với Chúa, thông qua mối tương quan đúng đắn giữa người thụ hưởng với vị đồng hành; thế nhưng một khi người thụ hưởng đã phản ứng, tạo ra hình ảnh sai lạc nơi vị đồng hành [13] thì họ chỉ dừng lại nơi đối tượng là con người mà không vươn tới Thiên Chúa được.

Nhưng làm sao để nhận ra sự có mặt của những phản ứng như thế? Những phản ứng chuyển dịch thường được biểu lộ qua tính cách rất mãnh liệt và thiếu phù hợp. Vị đồng hành sẽ không thể đáp lại một thái độ yêu thương mãnh liệt, giận hờn vô cớ, giận dữ, hay lệ thuộc như thế. Những phản ứng bất thường là dấu chỉ cho thấy sự chuyển dịch xuất hiện. Sự chuyển dịch xảy ra nhiều khi còn kéo theo những phản ứng mâu thuẫn nhau rất rõ rệt. Ví dụ như: cùng một lúc, người thụ hưởng vừa tỏ ra rất lệ thuộc nhưng cũng rất chống đối vị đồng hành; hoặc bên ngoài tỏ ra rất lạnh nhạt, xa cách, thờ ơ, [14] nhưng bên trong thì yêu thương vị đồng hành tha thiết.

Cũng có khi sự chuyển hoá nấp dưới danh nghĩa tương quan tình bạn. Trong cuốn *The dark night of the soul*, thánh Gioan Thánh Giá đưa ra cho chúng ta một cách thế để nhìn ra đâu là một tình bạn chuyển dịch như thế:

“Có những người lấy cơ hướng dẫn tâm linh để dưỡng nuôi một tình bạn ích kỷ, ràng buộc người khác. Đằng sau những ràng buộc trong tình bạn đó ẩn khuất những ham muốn tình cảm chứ thực chất không phải là sự linh thánh của niềm tin. Ta có thể nhận thấy điều này khi nghĩ về tình bạn như thế, ta không nhận thấy những ý tưởng về tình yêu, về Thiên Chúa và về lòng mến Chúa triền nở, nhưng ngược lại toàn là những đau khổ vì lương tâm dày vò cắn rứt”. [15]

Sự chuyển dịch còn phức tạp hơn đối với những người có khuynh hướng đồng tính luyến ái; việc giúp cho những người này lấy lại được sự quân bình trong các mối tương quan là một chuyện không phải dễ dàng, nhất là những người không còn chỉ là khuynh hướng mà là tâm bệnh. Trong những trường hợp như thế, rất cần sự can thiệp của những nhà chuyên môn.

Đứng trước những phản ứng chuyển hoá như thế, người đồng hành phải ứng xử thế nào? Trước tiên vị đồng hành phải hiểu biết và chấp nhận người thụ hưởng như họ là, phải minh bạch với tình cảm của chính mình, đừng tỏ ra hốt hoảng và sợ hãi trước cường độ mãnh liệt của những phản ứng yêu - ghét thật thường đó. Cần bình tĩnh, khéo léo tỏ cho người thụ hưởng thấy họ đang đi trệch đường, từ đó giúp họ khám phá ra nguyên nhân dẫn đến những phản ứng không đâu của họ, giúp họ nhận ra rằng những “nhu cầu ảo” của họ chẳng bao giờ có thể thoả mãn được, trừ phi họ có được mối tương quan đích thực với Thiên Chúa. Một khi người thụ hưởng ý thức và chấp nhận được điều đó, mối tương quan đồng hành đúng đắn mới có thể thiết lập trở lại. Tuy nhiên, không phải trường hợp nào vị đồng hành cũng có thể

giúp người thụ hưởng thoát ra khỏi tình trạng chuyển dịch, nhiều khi phải cần đến sự cộng tác của những nhà phân tâm trị liệu chuyên môn, nếu vị đồng hành không có khả năng chuyên môn ấy.

Người thụ hưởng có thể sẽ làm cản trở tiến trình đồng hành thiêng liêng, nếu như đương sự bị rối loạn nhân cách.

4. Rối loạn nhân cách

Tác giả Jean Francois Catalan liệt kê một loạt những thái độ biểu hiện của người mắc chứng rối loạn nhân cách: thái độ sống lưỡng diện, giao động, hoài nghi và không ngừng do dự, thái độ tự vệ, buồn bã, nhút nhát, suy sụp, khiêu khích, tham lam, chiếm hữu, hưởng thụ, thống trị, chuyên chế, khinh bỉ, đi tìm ẩn trốn trong mơ mộng, tưởng tượng, mê sảng... Những biểu hiện này ít nhiều mang màu sắc hoang tưởng khiến cho đương sự tỏ ra hận đời vì luôn nghĩ mình bị hành hạ, ngược đãi. Đối với những người này, có cái gì đó đã hụt hẫng trong việc cấu trúc hoá nhân cách của họ; chính vì vậy, những biểu hiện dồn nén, nhị trùng nhân cách, phủ nhận thực tại... là những điều họ không thể kiểm soát, tự chủ, hành xử một cách đúng đắn và quân bình được. [16]

Những phản ứng trên cho thấy những người này đang phải mang vác gánh nặng của thế giới tuổi thơ đầy bất hạnh, làm sao họ có thể vứt bỏ và viết lại quá khứ của mình. Điều phải làm lúc này là giúp họ có một môi trường sống lành mạnh cả về mặt thể lý, tâm lý và tâm linh. Vị đồng hành đừng đòi hỏi họ điều gì quá đáng, phải giúp họ sống đời sống tâm linh ngay trong hoàn cảnh cụ thể của họ, sự trưởng thành tâm linh và nhân cách phải đi đôi với nhau. Công việc trước tiên là phải giúp người thụ hưởng mắc chứng rối loạn này tìm lại thế quân bình. Ngoài những phương tiện thiêng liêng như lời cầu nguyện, các bí tích, sự tiết chế... còn phải cần đến những phương tiện tự nhiên, cần sự giúp đỡ của khoa tâm lý trị liệu. Đây là một việc làm khó khăn, lâu dài và đòi hỏi khả năng chuyên môn đặc biệt.

Như thế, đời sống tâm linh của những người này sẽ ra sao? Ân sủng Thiên Chúa chẳng lẽ hoàn toàn chịu thua sự bất lực của con người? Chẳng lẽ chỉ vì những giới hạn về nhân cách mà họ không thể nên hoàn thiện được? Không phải thế, nhà phân tâm học L. Beirnaert đã ghi nhận rằng:

“Rất ít khi dấu ấn của hành động Thiên Chúa trên tâm linh lại hoàn toàn bị hư hỏng, thậm chí cả nơi người kém may mắn nhất. Trong một cuộc sống tấp tểnh và làm than, hơi thở kín đáo của các đức tính quy thân rồi sẽ được biểu lộ... Còn những người bị loạn thần kinh, không có phán đoán và đôi khi bị ám ảnh, chúng tôi cũng biết không ít trường hợp trong đó sự trung thành đơn sơ nắm lấy bàn tay Thiên Chúa trong đêm tối mà không hề cảm thấy, thì cũng không kém chói lọi...” [17]

Đối với Thiên Chúa, không gì hư hỏng mà không thể vãn hồi được. Người nghèo nàn nhất về mặt nhân cách, tự nơi sâu thẳm họ vẫn là một con người tự do, có thể hành động với tư cách là con cái Thiên Chúa. Đó phải là niềm xác tín căn bản

của vị đồng hành khi phải đối diện với người thụ hưởng mắc chứng rối loạn nhân cách. Thiên Chúa luôn có cách để thực hiện kế hoạch của mình, nhiều khi người còn trực tiếp hướng dẫn người thụ hưởng mà không thông qua trung gian là vị đồng hành nữa.^[18]

Thiên Chúa luôn kiên nhẫn chờ đợi con người, yêu thương con người trước khi họ trưởng thành nhân cách, cá tính, tình cảm... Chỉ có tình yêu mới là phương dược có thể chữa lành những đổ vỡ của thân phận con người. Đó là tình yêu chân thật giữa người với người; và trên hết, là tình yêu Thiên Chúa dành cho con người, tình yêu cứu độ, thể hiện nơi chính Đức Giêsu Kitô.

Xin khép lại chương tìm hiểu về những khó khăn trong mối tương quan đồng hành. Chúng ta bước sang phần cuối với việc tìm hiểu những phẩm tính và bổn phận trong việc đồng hành thiêng liêng.

[1] Xc. Vida 4,7; trích theo Phan Tấn Thành, Giáo trình bí tích Hoà giải, tr. 83.

[2] Phóng chiếu (projection) là hiện tượng phóng lên hay gán cho người khác những cảm xúc, ham muốn mà không thể chấp nhận là chính của bản thân mình. Đây là một cơ chế tâm lý tự vệ nhằm giữ thăng bằng cho bản thân (Xc. Nguyễn Khắc Viện, Từ điển tâm lý, tr. 287-288).

[3] “Chuyển dịch ngược” (tiếng Pháp: contre transfert, hay tiếng Anh: counter transference) là một thuật ngữ chuyên môn trong ngành phân tâm học. Trong quá trình phân tâm, có khi người thầy chuyên những phản ứng vô thức của mình như yêu, ghét, thù hận... sang thân chủ mà bản thân không hề ý thức. Để chống lại phản ứng này, người thầy phải luôn luôn phản tỉnh, hoặc cố gắng thông qua các cảm xúc nhận thấy để gây ảnh hưởng trở lại thân chủ (Xc. Nguyễn Khắc Viện, Từ điển tâm lý, tr. 75-76).

[4] Francis Kelly Nemeck, O.M.I, Marie Theresa Coombs, Hermit, Phương pháp linh hướng, tr. 175.

[5] Trích lại trong Francis Kelly Nemeck, O.M.I, Marie Theresa Coombs, Hermit, Phương pháp linh hướng, tr. 178.

[6] André Godin, Tương quan giữa người và người trong cuộc đối thoại mục vụ, Desclée de Brouwer, 1963, tr. 85 (Trích lại trong Jean Francois Catalan, Kinh nghiệm tâm linh và tâm lý học, tr. 229).

[7] Xc. Jean Francois Catalan, Kinh nghiệm tâm linh và tâm lý học, tr. 229.

[8] Dù là cùng phái tính, nhưng ở mỗi độ tuổi và tùy theo tình trạng bản thân mà tính cách tâm lý sẽ khác nhau: tâm lý một thiếu nữ khác với người đã có gia đình, phụ nữ không còn trẻ độc thân sẽ khác với người cùng tuổi nhưng góa bụa, phụ nữ khá giả khác với người khó khăn... Nói chung, muôn người muôn vẻ, không ai

giống ai, không trường hợp nào giống trường hợp nào. Thái độ khôn ngoan, thận trọng và tỉnh thức là luôn cần thiết.

[9] Đây là cách nói về mối tương quan đồng hành của thánh Inhaxiô Loyola (Xc. Sđd. tr. 223).

[10] Xc. Francis Kelly Nemeck, O.M.I, Marie Theresa Coombs, Hermit, Phương pháp linh hướng, tr. 264-265; Jordan Aumann, OP. Đời sống tâm linh, tập II, tr. 323-324.

[11] Xc. Francis Kelly Nemeck, O.M.I, Marie Theresa Coombs, Hermit, Phương pháp linh hướng, tr. 181-184.

[12] “Chuyển dịch (transfert) là một cơ chế vô thức, khi cảm xúc từ một sự vật này được chuyển đầu tư sang một sự vật khác, thường gặp trong giấc mộng hoặc trong các trường hợp nhiễu tâm. Câu ngạn ngữ “giận cá chém thớt” có nghĩa tương tự ở đây. Đây là một từ do phân tâm học đưa ra.

Cũng theo phân tâm học, khi mối quan hệ tình cảm của một bệnh nhân từ những đối tượng khác nhau được đầu tư vào người thầy chữa thì gọi là chuyển dịch. Đây là một cơ chế tâm lý không chỉ xảy ra trong quá trình trị liệu, mà cũng thường gặp trong cuộc sống hằng ngày” (Nguyễn Khắc Viện, Từ điển tâm lý, tr. 59).

[13] Tự vô thức, người thụ hưởng đã chuyển tất cả tình cảm mình có với một đối tượng khác, như với cha, mẹ, người yêu... vào vị đồng hành. Những tình cảm này có thể tích cực hoặc tiêu cực tùy theo mối tương quan của họ với các đối tượng ấy, thường là họ bị ảnh hưởng rất nhiều từ thời thơ ấu của mình.

[14] Có thể coi đây là cơ chế phòng vệ, người thụ hưởng mang mặt nạ để che dấu sự thật của mình.

[15] Gioan Thánh Giá, Dark night of the soul, I. 4,7, Karmeliterna, Tagarp Glumsloov, 1972, tr. 38 (Trích lại Wilfrid Stinissen, Quà tặng tâm linh, tr. 41).

[16] Xc. Jean Francois Catalan, Kinh nghiệm tâm linh và tâm lý học, tr. 201.

[17] Louis Beirnaert, Kinh nghiệm Kitô giáo và tâm lý học, Épi, 1964, tr. 240 (Trích lại trong Jean Francois Catalan, Kinh nghiệm tâm linh và tâm lý học, tr. 198).

[18] Xét trên bình diện tâm lý, nhà tâm lý trị liệu Carl Rogers cho thấy những ai mắc chứng rối loạn nhân cách thường là những người gặp phải một hay nhiều mối tương quan bất hạnh, hoặc vì không được yêu, hay không được yêu đúng cách. Ông rút ra ba nguyên tắc căn bản nhằm điều trị chứng rối loạn nhân cách thông qua mối tương giao trị liệu, nghĩa là tương giao tình bạn, trung thực, thấu cảm, và vô điều kiện:

1. Mọi trục trặc nhân cách đều do mối tương quan bất hạnh, do đó phải thiết lập lại mối tương quan này.

2. Mọi con người đều tiềm ẩn một sức sống, một tiềm năng mãnh liệt vươn tới sự quân bình.
3. Bất cứ một trục trặc nhân cách nào, đều có thể trị liệu, tìm lại được sự quân bình, miễn là gặp được mối tương quan lành mạnh.